

Số: 103/QĐ-BVYDCT

Quảng Ninh, ngày 04 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tình hình quản lý, xử lý, sử dụng và mua sắm tài sản công năm 2024 của Bệnh viện Y dược cổ truyền Quảng Ninh

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 19/09/2022 V/v ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Y dược cổ truyền trực thuộc Sở Y tế Quảng Ninh;

Căn cứ Công văn số 946/SYT-KHTC ngày 12/03/2025 của Sở Y tế về việc thực hiện công khai, minh bạch trong việc bố trí, quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị;

Theo đề nghị của phòng Tài chính kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình quản lý, xử lý, sử dụng và mua sắm tài sản công năm 2024 của Bệnh viện Y dược cổ truyền Quảng Ninh.

(Theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Hình thức công khai: Đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bệnh viện Y dược cổ truyền Quảng Ninh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Tài chính kế toán và Trưởng các khoa, phòng, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (Thực hiện);
- Lưu: VT, TCKT.



Bộ, tỉnh: Tỉnh Quảng Ninh
Cơ quan quản lý cấp trên:
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Bệnh viện Y dược cổ truyền Quảng Ninh
Mã đơn vị: 1078628
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẴM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2024

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	khoản hoa hồng, chiết khấu, được miễn thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm						185.087						
4	Tài sản cố định khác						185.087						
	Biên tên bệnh viện	Chiếc	1			2024	43.549	Chi định thầu					
	Biên tên bệnh viện (KT: 10,74x0,84m)	Chiếc	1			2024	24.600	Chi định thầu					
	Máy vi tính để bàn CHC	Cái	1			2024	14.950	Chi định thầu					
	Máy vi tính để bàn CHC	Cái	1			2024	14.950	Chi định thầu					
	Máy vi tính để bàn CHC	Cái	1			2024	14.950	Chi định thầu					
	Cura xich 18	Chiếc	1			2024	11.000	Chi định thầu					
	Cura xich 20	Chiếc	1			2024	14.000	Chi định thầu					
	Máy điều hòa Daikin 9.000 BTU	Chiếc	1			2024	11.772	Chi định thầu					
	Máy điều hòa Daikin 9.000 BTU	Chiếc	1			2024	11.772	Chi định thầu					
	Máy điều hòa Daikin 9.000 BTU	Chiếc	1			2024	11.772	Chi định thầu					
	Máy điều hòa Daikin 9.000 BTU	Chiếc	1			2024	11.772	Chi định thầu					
	Tổng cộng						185.087						

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 14. tháng 04. năm 2025.

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 14. tháng 04. năm 2025.

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



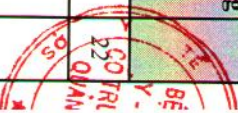
Bộ, tỉnh: Tỉnh Quảng Ninh
Cơ quan quản lý cấp trên:
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Bệnh viện Y được cổ truyền Quảng Ninh
Mã đơn vị: 1078628
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2024

Công khai về đất											Công khai về nhà											Ghi chú
STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Diện tích (m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)							Năm sử dụng	Tổng diện tích sản phẩm sử dụng (m ²)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản phẩm sử dụng (m ²))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác	Nguyên giá			Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng hỗn hợp	Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Đất tại Phường Hồng Hà, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	25.505	268.142.832		25.505																	
2	Nhà đa năng tại Phường Hồng Hà, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh									2019	143	1.120.851	711.890		143							
3	Nhà để xe ô tô nhân viên sau khu nhà E tại Phường Hồng Hà, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh									2021	312	491.374	366.881		312							
4	Nhà G (Khu điều trị 6 tầng) tại Phường Hồng Hà, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh									2022	676	36.248.083	31.903.352		676							
5	Nhà số 10 (Nhà để xe cho nhân viên) tại Phường Hồng Hà, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh									2010	216	1.084.786	593.695		216							
6	Nhà số 12 (Nhà cầu) tại Phường Hồng Hà, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh									2010	250	1.140.000	623.914		250							



Công khai về nhà															Ghi chú				
STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)					Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))						
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp			Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê							Liên doanh, liên kết		Không kinh doanh	Kinh doanh		Cho thuê
7	Nhà số 13 (Nhà vận hành) tại Phường Hồng Hà, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh							2010	13	59.492	32.560	13							
8	Nhà số 2 (Nhà E) tại Phường Hồng Hà, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh							2010	4.267	27.826.406	15.229.186		4.267						
9	Nhà số 3 (Nhà C) tại Phường Hồng Hà, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh							2010	758	4.116.965	2.253.184		758						
10	Nhà số 4 (Nhà D) tại Phường Hồng Hà, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh							2010	843	3.844.080	2.103.837		843						
11	Nhà số 5 (Nhà A) tại Phường Hồng Hà, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh							2010	1.304	7.727.998	4.229.476		1.304						
12	Nhà số 6 (Nhà ăn và nhà bếp) tại Phường Hồng Hà, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh							2010	458	2.088.480	1.143.010		458						
13	Nhà số 7 (Nhà bảo vệ) tại Phường Hồng Hà, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh							2010	183	834.480	456.705		183						
14	Nhà số 9 (Nhà để xe cho bệnh nhân) tại Phường Hồng Hà, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh							2010	180	820.800	449.218		180						

Công khai về đất										Công khai về nhà										Ghi chú		
STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Diện tích (m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo số kê toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sản phẩm (m ²)	Giá trị theo số kê toán (Nghìn đồng)				Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản phẩm sử dụng (m ²))						
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng hỗn hợp				
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết						Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết					
15	Trung tâm Ô xy cao áp tại Phòng Hồng Hà, TP. Hà Long, Tỉnh Quảng Ninh									2019	182	3.132.421	1.878.826			182						
16	Nhà số 1 (Nhà B)									2010	585	3.040.950	1.664.289			585						
Tổng cộng:		25.505	268.142.832		25.505						10.370	93.577.167	63.640.023			10.370						

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Bùi Thị Hằng

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Linh

Ngày 14 tháng 04 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Vũ Thị Mai



Bộ, tỉnh: Tỉnh Quảng Ninh
Cơ quan quản lý cấp trên:
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Bệnh viện Y dược cổ truyền Quảng Ninh
Mã đơn vị: 1078628
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

Năm 2024

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo số kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên ngân sách	Nguồn khác								
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xe ô tô		1	489.500	489.500									
I	MITSUBISHI - BKS 14D - 0505	Phòng Hành Chính	1	489.500	489.500				x					
II	Tài sản cố định khác		561	71.815.142	64.620.025	7.195.117	10.847.250							
1	Máy photocopy Fuji Xerox	Phòng Hành Chính	1	87.750		87.750			x					
2	Máy rửa được liệu	Khoa Dược	1	133.000	133.000				x					
3	Máy sắc thuốc đông y	Khoa Dược	1	82.280	82.280				x					
4	Máy sắc thuốc Đông y	Khoa Dược	1	99.495		99.495	27.361		x					
5	Máy sắc thuốc đông y	Khoa Dược	1	82.390	82.390				x					
6	Máy sao được liệu	Khoa Dược	1	163.000	163.000				x					
7	Máy sấy công nghiệp	Khoa KSNK	1	303.600	303.600				x					
8	Máy sấy công nghiệp	Khoa KSNK	1	303.600	303.600				x					
9	Máy siêu âm điều trị công nghệ tĩnh	Khoa Châm cứu	1	109.900	109.900		30.223		x					
10	Máy siêu âm điều trị công nghệ tĩnh	Khoa HSTC	1	109.900	109.900		30.223		x					
11	Máy siêu âm điều trị công nghệ tĩnh	Khoa PHCN	1	109.900	109.900		30.223		x					
12	Máy siêu âm điều trị công nghệ tĩnh	Khoa Lão Khoa	1	109.900	109.900		30.223		x					
13	Máy siêu âm điều trị công nghệ tĩnh	Khoa Ngoại	1	109.900	109.900		30.223		x					
14	Máy photo	Phòng Hành Chính	1	99.767	99.767				x					
15	Máy phân tích tốc độ máu lắng tự động	Khoa Xét Nghiệm	1	78.000	78.000		60.450		x					
16	Máy nội soi trực tràng	Khoa Ngoại	1	37.800	37.800				x					
17	Máy MONITOR (mổ trị)	Khoa Ngoại	1	97.680	97.680				x					
18	Máy Laser châm cứu	Khoa HSTC	1	75.000	75.000		20.625		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
19	Máy LASER điều trị	Khoa PHCN	1	131.000	131.000				x					
20	Máy LASER điều trị	Khoa Ngoại	1	131.000	131.000				x					
21	Máy LASER điều trị	Khoa Nội	1	131.000	131.000				x					
22	Máy LASER điều trị	Khoa HSTC	1	131.000	131.000				x					
23	Máy LASER điều trị 12 đầu phát	Khoa Nội	1	49.800	49.800				x					
24	Máy siêu âm điều trị đa tần số	Khoa PHCN	1	80.000	80.000				x					
25	Máy LASER điều trị 12 đầu phát	Khoa Châm cứu	1	49.800	49.800				x					
26	Máy LASER nội mạch	Khoa Châm cứu	1	49.000	49.000				x					
27	Máy Laser nội mạch	Khoa HSTC	1	63.600	63.600		17.490		x					
28	Máy Laser nội mạch	Khoa Lão Khoa	1	63.600	63.600		17.490		x					
29	Máy LASER nội mạch 2 đầu phát	Khoa Nội	1	49.500	49.500				x					
30	Máy LASER nội mạch 2 đầu phát	Khoa PHCN	1	49.500	49.500				x					
31	Máy ly tâm đa năng	Khoa Xét Nghiệm	1	178.500		178.500	49.088		x					
32	Máy Laser nội mạch	Khoa Ngoại	1	63.600	63.600		17.490		x					
33	Máy siêu âm điều trị Ultrasonic	Khoa Nội B	1	87.005	87.005				x					
34	Máy siêu âm điều trị Ultrasonic	Khoa Châm cứu	1	87.005	87.005				x					
35	Máy siêu âm điều trị Ultrasonic	Khoa Nội	1	87.005	87.005				x					
36	Máy vi tính để bàn	Phòng Khám	1	19.200		19.200			x					
37	Máy vi tính để bàn	Khoa Nội	1	19.200		19.200			x					
38	Máy vi tính để bàn	Công nghệ thông tin	1	11.473	11.473				x					
39	Máy vi tính để bàn	Khoa Lão Khoa	1	11.935	11.935				x					
40	Máy vi tính để bàn	Khoa Lão Khoa	1	19.200		19.200			x					
41	Máy vi tính để bàn	Khoa Dược	1	13.629	13.629				x					
42	Máy vi tính để bàn	Khoa Châm cứu	1	19.200		19.200			x					
43	Máy vi tính để bàn	Khoa Ngoại	1	19.200		19.200			x					
44	Máy vi tính để bàn	Phòng Kế toán	1	16.500	16.500				x					
45	Máy vi tính để bàn	Phòng Kế toán	1	19.200		19.200			x					
46	Máy vi tính để bàn	Khoa Ngoại	1	19.200		19.200			x					
47	Máy vi tính để bàn	Khoa PHCN	1	19.200		19.200			x					
48	Máy vi tính để bàn	Phòng KHTH	1	14.400		14.400			x					
49	Máy vi tính để bàn	Khoa Xét Nghiệm	1	14.400		14.400			x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					Nguyên ngân sách	Nguồn khác									
50	Máy vi tính để bàn	Khoa Nội	1	21.450	21.450					x					
51	Máy vi tính để bàn	Khoa Châm cứu	1	19.200		19.200				x					
52	Máy vi tính để bàn	Phòng Hành Chính	1	14.400		14.400				x					
53	Máy siêu âm điều trị Ultrasonic	Khoa Lão Khoa	1	87.005	87.005					x					
54	Máy tán được liệu	Khoa Dược	1	126.000	126.000					x					
55	Máy tập đi (Thiết bị tập đi bộ phục hồi chức năng có đai nâng)	Phòng Khám	1	540.000	540.000		418.500			x					
56	Máy tập đi (Thiết bị tập đi bộ phục hồi chức năng có đai nâng)	Khoa HSTC	1	540.000	540.000		418.500			x					
57	Máy thái được liệu	Khoa Dược	1	199.500	199.500					x					
58	Máy thất trị	Khoa Ngoại	1	284.550	284.550					x					
59	Máy Laser châm cứu	Khoa PHCN	1	75.000	75.000		20.625			x					
60	Máy trộn thuốc	Khoa Dược	1	99.000	99.000					x					
61	Máy vi tính để bàn	Khoa Ngoại	1	19.200		19.200				x					
62	Máy vi tính để bàn	Phòng Khám	1	19.200		19.200				x					
63	Máy vi tính để bàn	Phòng KHTH	1	16.450	16.450					x					
64	Máy vi tính để bàn	Khoa Lão Khoa	1	12.060	12.060					x					
65	Máy vi tính để bàn	Khoa PHCN	1	19.200		19.200				x					
66	Máy vi tính để bàn	Phòng Hành Chính	1	19.200		19.200				x					
67	Máy vi tính để bàn	Phòng Kế toán	1	19.200		19.200				x					
68	Máy Laser châm cứu	Khoa PHCN	1	75.000	75.000		20.625			x					
69	Máy làm viên hoàn mềm	Khoa Dược	1	569.500	569.500		156.613			x					
70	Máy làm viên hoàn	Khoa Dược	1	75.900	75.900					x					
71	Máy điều trị điện từ trường	Khoa PHCN	1	424.500	424.500					x					
72	Máy điều trị bằng sóng xung kích	Khoa Nội	1	741.500		741.500	203.913			x					
73	Máy điều trị bằng nhiệt, rung, từ	Khoa HSTC	1	364.850	364.850		136.819			x					
74	Máy điều trị bằng nhiệt, rung, từ	Khoa Nội B	1	364.850	364.850		136.819			x					
75	Máy điều trị bằng nhiệt lạnh	Khoa Ngoại	1	430.000	430.000		161.250			x					
76	Máy điều hòa Panasonic 12.000BTU	Phòng Hội Trường	1	14.119		14.119	8.825			x					
77	Máy điều hòa Panasonic 12.000BTU	Phòng Hội Trường	1	14.119		14.119	8.825			x					
78	Máy điều hòa Panasonic 12.000BTU	Phòng Hội Trường	1	14.119		14.119	8.825			x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)					Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác		
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác										
79	Máy điều hòa Daikin 9000 BTU	Khoa Châm cứu	1	13.975	13.975				x							
80	Máy điều hòa Daikin 9000 BTU	Khoa PHCN	1	13.975	13.975				x							
81	Máy điều hòa Daikin 9000 BTU	Khoa CDHA	1	13.975	13.975				x							
82	Máy điều hòa Daikin 9000 BTU	Khoa Châm cứu	1	13.975	13.975				x							
83	Máy điều hòa Daikin 9000 BTU	Khoa Dinh Dưỡng	1	13.975	13.975				x							
84	Máy điều hòa Daikin 9000 BTU	Khoa Châm cứu	1	13.975	13.975				x							
85	Máy điều hòa Daikin 9000 BTU	Khoa PHCN	1	13.975	13.975				x							
86	Máy điều hòa Daikin 9000 BTU	Khoa PHCN	1	13.975	13.975				x							
87	Máy điều hòa Daikin 9000 BTU	Khoa PHCN	1	13.975	13.975				x							
88	Máy điều hòa Daikin 9000 BTU	Khoa CDHA	1	13.975	13.975				x							
89	Máy điều hòa Daikin 9000 BTU	Khoa PHCN	1	13.975	13.975				x							
90	Máy điều hòa Daikin 9000 BTU	Khoa Dược	1	13.975	13.975				x							
91	Máy điều hòa Daikin 9000 BTU	Khoa Châm cứu	1	13.975	13.975				x							
92	Máy điều hòa Daikin 9000 BTU	Khoa CDHA	1	13.975	13.975				x							
93	Máy điều hòa Daikin 9000 BTU	Khoa Lão Khoa	1	13.975	13.975				x							
94	Máy điều trị siêu âm kết hợp điện xung	Khoa Nội	1	189.800	189.800				x							
95	Máy điều hòa Daikin 9000 BTU	Khoa Lão Khoa	1	13.975	13.975				x							
96	Máy điều hòa Daikin 9000 BTU	Khoa Châm cứu	1	13.975	13.975				x							
97	Máy điều hòa Daikin 9000 BTU	Khoa Dinh Dưỡng	1	13.975	13.975				x							
98	Máy điều hòa Daikin 9000 BTU	Khoa CDHA	1	13.975	13.975				x							
99	Máy điều hòa Daikin 9000 BTU	Khoa PHCN	1	13.975	13.975				x							
100	Máy điều hòa Daikin 9000 BTU	Khoa Lão Khoa	1	13.975	13.975				x							
101	Máy điều hòa Daikin 9000 BTU	Khoa Châm cứu	1	13.975	13.975				x							
102	Máy điều hòa Daikin 9000 BTU	Khoa Châm cứu	1	13.975	13.975				x							
103	Máy vi tính để bàn	Phòng Khám	1	11.473	11.473				x							
104	Máy điều trị siêu âm kết hợp điện xung	Khoa PHCN	1	189.800	189.800				x							
105	Máy điều trị xông hơi cục bộ	Khoa Nội	1	104.900	104.900		39.338		x							
106	Máy là công nghiệp	Khoa KSNK	1	145.200	145.200				x							
107	Máy kích thích điện phân, điện xung	Khoa Ngoại	1	127.000	127.000				x							
108	Máy kích thích điện phân, điện xung	Khoa Nội	1	127.000	127.000				x							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
109	Máy kích thích điện phân, điện xung	Khoa HSTC	1	127.000	127.000				X					
110	Máy kích thích điện năng 2 kênh	Khoa Nội	1	139.200	139.200				X					
111	Máy kích thích đa năng 2 kênh	Khoa Nội B	1	104.600	104.600		28.765		X					
112	Máy kích thích đa năng 2 kênh	Khoa HSTC	1	104.600	104.600		28.765		X					
113	Máy kéo giãn cột sống lưng	Khoa Ngoại	1	382.800	382.800		143.550		X					
114	Máy kéo giãn cột sống lưng	Khoa Châm cứu	1	382.700	382.700		105.243		X					
115	Máy kéo giãn cột sống lưng	Khoa Nội B	1	382.800	382.800		143.550		X					
116	Máy kéo giãn cột sống lưng	Khoa Ngoại	1	375.000	375.000				X					
117	Máy kéo giãn cột sống lưng	Khoa Nội	1	382.800	382.800		143.550		X					
118	Máy kéo giãn cột sống lưng	Khoa PHCN	1	382.700	382.700		105.243		X					
119	Máy kéo cột sống	Khoa Nội	1	279.800	279.800				X					
120	Máy hút dịch	Khoa PHCN	1	28.900	28.900				X					
121	Máy hút dịch	Phòng Khám	1	28.900	28.900				X					
122	Máy hút dịch	Khoa Nội	1	28.900	28.900				X					
123	Máy điều trị xông hơi cục bộ	Khoa Nội	1	104.900	104.900		39.338		X					
124	Máy đo huyết não (Đức)	Khoa CDHA	1	537.000	537.000				X					
125	Máy đo loãng xương toàn thân	Khoa CDHA	1	1.348.000	1.348.000		370.700		X					
126	Máy đo lưu huyết não	Khoa CDHA	1	443.800	443.800		122.045		X					
127	Máy đóng gói thuốc tự động	Khoa Dược	1	82.170	82.170				X					
128	Máy đóng túi thuốc KTP 30A	Khoa Dược	1	99.880	99.880		27.467		X					
129	Máy điều trị sóng ngắn	Khoa Châm cứu	1	349.500	349.500				X					
130	Máy DOPPLER (thăm dò) bụi trĩ	Khoa Ngoại	1	465.000	465.000		174.375		X					
131	Máy giặt electrolux	Phòng Hành Chính	1	18.480		18.480			X					
132	Máy giặt vắt công nghiệp	Khoa KSNK	1	541.860	541.860				X					
133	Máy giặt vắt công nghiệp	Khoa KSNK	1	541.860	541.860				X					
134	Máy hàn miệng túi TQ	Khoa Dược	1	12.600		12.600	3.465		X					
135	Máy hút dịch	Khoa Châm cứu	1	28.900	28.900				X					
136	Máy hút dịch	Khoa Ngoại	1	28.900	28.900				X					
137	Máy giặt electrolux	Khoa KSNK	1	18.480		18.480			X					
138	Máy vi tính để bàn	Phòng Khám	1	19.200		19.200			X					
139	Máy vi tính để bàn	Khoa Dược	1	19.200		19.200			X					
140	Máy vi tính để bàn	Phòng Kế toán	1	14.400		14.400			X					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
141	Nồi Paraphin	Khoa Nội	1	40.000	40.000				x					
142	Nồi hấp tiết trùng	Khoa KSNK	1	459.850	459.850		126.459		x					
143	Nồi hấp cửa ngang	Khoa KSNK	1	254.500	254.500				x					
144	Monitor 5 thông số	Khoa Ngoại	1	99.540	99.540				x					
145	Máy xoa bóp	Khoa HSTC	1	56.000	56.000		21.000		x					
146	Máy xoa bóp	Khoa Nội	1	56.000	56.000		21.000		x					
147	Máy xoa bóp	Khoa Nội B	1	56.000	56.000		21.000		x					
148	Máy XN nước tiểu 11 thông số	Khoa Xét Nghiệm	1	161.300	161.300		44.358		x					
149	Máy XN huyết học 26TS	Khoa Xét Nghiệm	1	741.800	741.800		278.175		x					
150	Máy Xét nghiệm sinh hóa	Khoa Xét Nghiệm	1	598.000	598.000				x					
151	Máy xét nghiệm sinh hoá	Khoa Xét Nghiệm	1	2.415.000	2.415.000				x					
152	Máy xét nghiệm huyết học	Khoa Xét Nghiệm	1	286.900	286.900				x					
153	Máy vi tính xách tay	Công nghệ thông tin	1	16.200	16.200	16.200			x					
154	Máy vi tính xách tay	Công nghệ thông tin	1	16.200	16.200	16.200			x					
155	Máy vi tính xách tay	Phòng Hành Chính	1	16.200	16.200	16.200			x					
156	Máy vi tính xách tay	Phòng Kế toán	1	16.200	16.200	16.200			x					
157	Máy vi tính xách tay	Phòng KHTH	1	16.200	16.200	16.200			x					
158	Máy vi tính để bàn FPT	Khoa Nội	1	14.968	14.968	14.968			x					
159	Máy vi tính để bàn FPT	Khoa PHCN	1	14.968	14.968	14.968			x					
160	Máy vi tính để bàn FPT	Khoa Châm cứu	1	14.968	14.968	14.968			x					
161	Máy vi tính để bàn FPT	Khoa Lão Khoa	1	14.968	14.968	14.968			x					
162	Máy vi tính để bàn FPT	Phòng KHTH	1	14.968	14.968	14.968			x					
163	Máy vi tính để bàn FPT	Khoa Ngoại	1	14.968	14.968	14.968			x					
164	Ổ cứng SSD 540s	Công nghệ thông tin	1	11.830	11.830				x					
165	Máy vi tính để bàn FPT	Khoa Châm cứu	1	14.968	14.968	14.968			x					
166	Máy vi tính để bàn FPT	Khoa Ngoại	1	14.968	14.968	14.968			x					
167	Máy vi tính để bàn FPT	Khoa Lão Khoa	1	14.968	14.968	14.968			x					
168	Máy vi tính để bàn FPT	Khoa PHCN	1	14.968	14.968	14.968			x					
169	Máy vi tính để bàn FPT	Khoa PHCN	1	14.968	14.968	14.968			x					
170	Máy vi tính Server	Công nghệ thông tin	1	35.268	35.268				x					
171	Máy vi tính xách tay	Khoa Dược	1	16.200	16.200	16.200			x					
172	Máy vi tính để bàn FPT	Khoa Nội	1	14.968	14.968	14.968			x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
173	Máy vi tính để bàn FPT	Khoa Chăm cứu	1	14.968		14.968			X						
174	Ổ cứng SSD 540s	Công nghệ thông tin	1	11.830	11.830				X						
175	Ổ cứng SSD 540s	Công nghệ thông tin	1	11.830	11.830				X						
176	Xe đẩy thuốc Inox 1,5 x 0,8m	Khoa Dược	1	11.660	11.660				X						
177	Xe đẩy thuốc Inox 1,5 x 0,8m	Khoa Dược	1	11.660	11.660				X						
178	Xe đạp tập phục hồi chức năng	Phòng Khám	1	89.900	89.900		33.713		X						
179	Xe đạp tập phục hồi chức năng	Phòng Khám	1	89.900	89.900		33.713		X						
180	Vườn hoa, cây cảnh	Chung	1	1.545.230	1.545.230				X						
181	Vách chì di động 1200x1700mm	Khoa CDHA	1	30.800	30.800				X						
182	Tủ tài liệu	Phòng Phó Giám đốc 2	1	13.200	13.200				X						
183	Tủ son lạnh đạo	Phòng Phó Giám đốc 1	1	16.610	16.610				X						
184	Tủ son lạnh đạo	Phòng Giám đốc	1	16.610	16.610				X						
185	Tủ sấy được liệu	Khoa Dược	1	57.000	57.000				X						
186	Tủ nhôm kính	Phòng Kế toán	1	13.850	13.850				X						
187	Tủ nhôm	Phòng Hành Chính	1	19.250		19.250			X						
188	Tủ kính+ cửa thủy lực quầy thuốc	Khoa Dược	1	13.398	13.398				X						
189	Tủ đựng quần áo	Phòng Giám đốc	1	28.308	28.308				X						
190	Tủ đựng quần áo	Phòng Phó Giám đốc 1	1	28.308	28.308				X						
191	Tủ đựng đồ Inox Suv 304 (KT:2800x600x3200)	Phòng Hành Chính	1	50.050		50.050	31.281		X						
192	Tủ để máy băng Inox SUV 304 (KT: 1,45x0,6x2,25)	Khoa HSTC	1	25.630		25.630	19.223		X						
193	Phần mềm hệ thống xếp hàng tự động	Chung	1	95.000	95.000		57.000		X						
194	Phần mềm quản lý bệnh viện	Chung	1	668.872	668.872				X						
195	Tăng nguyên giá TTB không chuyển dùng theo CV 187 ngày 25/7/2017 của BOLDACTYT	Chung	1	76.472	76.472				X						
196	Thiết bị ánh sáng sân khấu	Công nghệ thông tin	1	95.840	95.840				X						
197	Thiết bị chống sét lan truyền	Công nghệ thông tin	1	61.600	61.600				X						
198	Thiết bị Firewall Fotigate – 60D	Công nghệ thông tin	1	15.600		15.600	6.240		X						
199	Ổ cứng SSD 540s	Công nghệ thông tin	1	11.830	11.830				X						
200	Thiết bị máy photo	Phòng Hành Chính	1	55.233	55.233				X						
201	Tivi Samsung 65 inch	Khoa HSTC	1	13.500		13.500	8.100		X						
202	Tivi Samsung 65 inch	Khoa Nội B	1	13.500		13.500	8.100		X						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
203	Tivi LG 55inch	Phòng Giao ban	1	16.410		16.410	2.051		x					
204	Tivi LG 55inch	Phòng Giao ban	1	16.410		16.410	2.051		x					
205	Tivi LG 75inch	Phòng Giao ban	1	31.430		31.430	3.929		x					
206	Tủ an toàn sinh học	Khoa Xét Nghiệm	1	86.800	86.800		10.850		x					
207	Thiết bị truyền hình trực tuyến	Công nghệ thông tin	1	264.000	264.000				x					
208	Máy vi tính để bàn FPT	Khoa PHCN	1	14.968		14.968			x					
209	Máy vi tính để bàn FPT	Khoa Chăm cứu	1	14.968		14.968			x					
210	Máy vi tính để bàn FPT	Khoa Nội	1	14.968		14.968			x					
211	Máy vi tính để bàn	Phòng Kế toán	1	19.200		19.200			x					
212	Máy vi tính để bàn	Phòng Kế toán	1	19.200		19.200			x					
213	Máy vi tính để bàn	Phòng Khám	1	19.200		19.200			x					
214	Máy vi tính để bàn	Khoa PHCN	1	19.200		19.200			x					
215	Máy vi tính để bàn	Phòng Giám đốc	1	17.250	17.250				x					
216	Máy vi tính để bàn	Khoa PHCN	1	19.200		19.200			x					
217	Máy vi tính để bàn	Khoa PHCN	1	19.200		19.200			x					
218	Máy vi tính để bàn	Khoa Chăm cứu	1	19.200		19.200			x					
219	Máy vi tính để bàn	Khoa Chăm cứu	1	19.200		19.200			x					
220	Máy vi tính để bàn	Khoa Dược	1	15.050	15.050				x					
221	Máy vi tính để bàn	Khoa Nội	1	12.850	12.850				x					
222	Máy vi tính để bàn	Khoa Lão Khoa	1	19.200		19.200			x					
223	Máy vi tính để bàn	Phòng Hành Chính	1	11.473	11.473				x					
224	Máy vi tính để bàn	Phòng Hành Chính	1	11.230	11.230				x					
225	Máy vi tính để bàn	Khoa Dinh Dưỡng	1	14.679	14.679				x					
226	Máy vi tính để bàn	Phòng Hành Chính	1	19.200		19.200			x					
227	Máy vi tính để bàn	Phòng Kế toán	1	19.200		19.200			x					
228	Máy vi tính để bàn	Khoa CDHA	1	18.900	18.900				x					
229	Máy vi tính để bàn	Khoa Nội	1	19.200		19.200			x					
230	Máy vi tính để bàn	Phòng KHTH	1	11.473	11.473				x					
231	Máy vi tính để bàn	Khoa Nội	1	19.200		19.200			x					
232	Máy vi tính để bàn	Khoa Nội	1	19.200		19.200			x					
233	Máy vi tính để bàn	Khoa Dược	1	19.200		19.200			x					
234	Máy vi tính để bàn	Khoa Nội	1	19.200		19.200			x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngàn đồng)					Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
235	Máy vi tính để bàn	Phòng Kế toán	1	14.400		14.400				x					
236	Máy vi tính để bàn	Khoa Ngoại	1	19.200		19.200				x					
237	Máy vi tính để bàn	Phòng Phó Giám đốc 2	1	13.628	13.628					x					
238	Máy vi tính để bàn	Khoa Lão Khoa	1	19.200		19.200				x					
239	Máy vi tính để bàn	Khoa Châm cứu	1	19.200		19.200				x					
240	Máy vi tính để bàn	Khoa CDHA	1	19.200		19.200				x					
241	Máy vi tính để bàn	Khoa Ngoại	1	19.200		19.200				x					
242	Máy vi tính để bàn	Khoa KSNK	1	19.200		19.200				x					
243	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa Nội B	1	13.950	13.950		5.580			x					
244	Máy vi tính để bàn CHC	Phòng Khám	1	14.100	14.100		8.460			x					
245	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa Lão Khoa	1	14.100	14.100		8.460			x					
246	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa Nội B	1	13.950	13.950		5.580			x					
247	Máy vi tính để bàn CHC	Phòng KHTH	1	14.990	14.990		2.998			x					
248	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa Lão Khoa	1	14.100	14.100		8.460			x					
249	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa HSTC	1	14.900	14.900		5.960			x					
250	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa Nội B	1	14.100	14.100		8.460			x					
251	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa HSTC	1	13.950	13.950		5.580			x					
252	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa HSTC	1	14.900	14.900		5.960			x					
253	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa Nội B	1	12.890	12.890		7.734			x					
254	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa Nội B	1	14.950	14.950		11.960			x					
255	Máy vi tính để bàn CHC	Phòng Hành Chính	1	14.990	14.990		2.998			x					
256	Máy vi tính để bàn CHC	Công nghệ thông tin	1	14.990	14.990		2.998			x					
257	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa Nội B	1	13.950	13.950		5.580			x					
258	Máy vi tính để bàn CHC	Công nghệ thông tin	1	14.950	14.950		11.960			x					
259	Máy vi tính để bàn FPT	Khoa PHCN	1	14.968		14.968				x					
260	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa Xét Nghiệm	1	14.900	14.900		5.960			x					
261	Máy điều hòa Daikin 9000 BTU	Khoa PHCN	1	13.975	13.975					x					
262	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa PHCN	1	14.100	14.100		8.460			x					
263	Máy vi tính để bàn CHC	Công nghệ thông tin	1	14.990	14.990		2.998			x					
264	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa Châm cứu	1	14.100	14.100		8.460			x					
265	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa Dược	1	12.890	12.890		7.734			x					
266	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa Nội B	1	14.900	14.900		5.960			x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguồn khác								
267	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa PHCN	1	14.100	14.100		8.460		x					
268	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa HSTC	1	14.900	14.900		5.960		x					
269	Máy vi tính để bàn CHC	Phòng Kế toán	1	14.990	14.990		2.998		x					
270	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa Ngoại	1	12.890	12.890		7.734		x					
271	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa Nội B	1	12.890	12.890		7.734		x					
272	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa Ngoại	1	12.890	12.890		7.734		x					
273	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa HSTC	1	13.950	13.950		5.580		x					
274	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa Nội B	1	13.950	13.950		5.580		x					
275	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa HSTC	1	13.950	13.950		5.580		x					
276	Máy vi tính để bàn CHC	Phòng Kế toán	1	14.950	14.950		11.960		x					
277	Máy vi tính để bàn CHC	Phòng Hành Chính	1	14.990	14.990		2.998		x					
278	Máy vi tính để bàn CHC	Khoa Nội B	1	14.900	14.900		5.960		x					
279	Máy điều hòa Daikin 9.000 BTU	Khoa Lão Khoa	1	11.772		11.772	10.301		x					
280	Máy điều hòa Daikin 9.000 BTU	Phòng Kế toán	1	12.654		12.654			x					
281	Máy điều hòa Daikin 9.000 BTU	Khoa Lão Khoa	1	11.772		11.772	10.301		x					
282	Hệ thống XQ kỹ thuật số	Khoa CDHA	1	3.433.500	3.433.500				x					
283	Hệ thống xét nghiệm tự động	Khoa Xét Nghiệm	1	97.416		97.416			x					
284	Hệ thống xếp hàng tự động	Phòng Khám	1	66.550	66.550		49.913		x					
285	Hệ thống thùng sắc thuốc hơi (33 lò)	Khoa Dược	1	98.307	98.307				x					
286	Hệ thống thùng sắc thuốc bằng hơi	Khoa Dược	1	99.231	99.231				x					
287	Hệ thống tập đa năng toàn thân	Phòng Khám	1	279.500	279.500				x					
288	Hệ thống tập đa năng toàn thân	Khoa HSTC	1	279.500	279.500				x					
289	Hệ thống sấy thuốc nấu cao bằng hơi	Khoa Dược	1	685.773	685.773				x					
290	Hệ thống sắc thuốc bằng hơi 33c	Khoa Dược	1	98.637	98.637				x					
291	Hệ thống ô xy hóa lỏng	Khoa PHCN	1	2.031.128	2.031.128				x					
292	Hệ thống ô xy cao áp buồng đa	Khoa PHCN	1	5.650.000	5.650.000		1.553.750		x					
293	Hệ thống nội soi tai mũi họng	Phòng Khám	1	1.349.250	1.349.250				x					
294	Hệ thống nồi nấu thuốc 200l	Khoa Dược	1	78.750	78.750				x					
295	Hệ thống nấu nước sôi	Khoa Dược	1	58.960	58.960				x					
296	Hệ thống máy siêu âm 4D	Khoa CDHA	1	1.848.000	1.848.000				x					
297	Hệ thống lưu trữ NAS	Công nghệ thông tin	1	89.900		89.900			x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
298	Hệ thống lọc nước uống cho BN	Phòng Hành Chính	1	193.600	193.600				x					
299	Hệ thống cấp phát phiếu số thứ tự	Phòng Khám	1	66.600		66.600	24.975		x					
300	Hệ thống chống sét lan truyền	Chung	1	715.370	715.370		89.421		x					
301	Hệ thống chụp cắt lớp vi tính	Khoa CDHA	1	5.000.000	5.000.000				x					
302	Hệ thống gọi y tá thông minh	Khoa HSTC	1	40.731	40.731		30.548		x					
303	Hệ thống kéo dân cột sống cổ	Khoa PHCN	1	35.000	35.000				x					
304	Hệ thống kéo dân cột sống cổ	Khoa Lão Khoa	1	35.000	35.000				x					
305	Kê đá, ốp tường	Chung	1	340.405	340.405		153.182		x					
306	Hệ thống kéo dân cột sống cổ	Khoa Lão Khoa	1	35.000	35.000				x					
307	Hệ thống kéo dân cột sống cổ	Khoa Nội	1	35.000	35.000				x					
308	Hệ thống kéo dân cột sống cổ	Khoa Nội B	1	35.000	35.000				x					
309	Hệ thống kéo dân cột sống cổ	Khoa Nội B	1	35.000	35.000				x					
310	Hệ thống kéo dân cột sống cổ	Khoa Nội	1	25.000	25.000				x					
311	Hệ thống kéo dân cột sống cổ	Khoa Châm cứu	1	25.000	25.000				x					
312	Hệ thống kéo dân cột sống cổ	Khoa Nội B	1	25.000	25.000				x					
313	Hệ thống kéo dân cột sống cổ	Khoa Ngoại	1	35.000	35.000				x					
314	Hệ thống camera (7 mắt - Khu nhà E)	Công nghệ thông tin	1	99.216	99.216				x					
315	Kê Inox SUV 304 hình L (KT:1600x3450x7900x750)	Khoa KSNK	1	16.225		16.225	10.141		x					
316	Kê sắt	Phòng Kế toán	1	12.650	12.650				x					
317	Máy bơm nước 3 pha	Thư điện	1	28.805	28.805				x					
318	Máy ảnh	Phòng QLCL	1	19.635	19.635				x					
319	Máy tán thuốc	Khoa Dược	1	18.700	18.700				x					
320	Máy sắc thuốc túi	Khoa Dược	1	32.168	32.168				x					
321	Máy LASER nội mạch	Khoa Châm cứu	1	40.000	40.000				x					
322	Máy LASER nội mạch	Khoa Châm cứu	1	40.000	40.000				x					
323	Máy kéo dân cột sống	Khoa Châm cứu	1	180.000	180.000				x					
324	Máy điện tim 6 cần	Khoa CDHA	1	66.000	66.000				x					
325	Mạng tin học	Công nghệ thông tin	1	521.300	521.300				x					
326	Màn hình Samsung LS32AM500	Công nghệ thông tin	1	10.500		10.500	4.200		x					
327	Màn chiếu	Công nghệ thông tin	1	42.200	42.200				x					
328	Lưu điện Đài Loan	Công nghệ thông tin	1	66.800		66.800			x					
329	Loa TBL VS 2010 Mỹ	Công nghệ thông tin	1	19.960	19.960				x					



STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
330	Loa hội trường	Công nghệ thông tin	1	59.314	59.314				x						
331	Loa đài + âm ly	Công nghệ thông tin	1	99.200	99.200				x						
332	Lò hơi sắc thuốc	Khoa Dược	1	1.354.375	1.354.375		507.891		x						
333	Kính hiển vi SANO TQ	Khoa Xét Nghiệm	1	125.000	125.000				x						
334	Kệ sắt	Phòng KHTH	1	13.000	13.000				x						
335	Kệ sắt	Phòng KHTH	1	10.350	10.350				x						
336	Kệ sắt	Phòng Kế toán	1	12.650	12.650				x						
337	Kệ sắt hộp sơn tĩnh điện (KT:2700x1200x1740)	Khoa KSNK	1	20.211		20.211	12.632		x						
338	Kệ sắt hộp sơn tĩnh điện (KT:2750x1200x1740)	Khoa Nội B	1	20.585		20.585	12.866		x						
339	Kệ sắt sơn tĩnh điện (KT: 2.72x1,2x1,74)	Khoa HSTC	1	20.350		20.350	15.263		x						
340	Kệ sắt	Phòng KHTH	1	10.350	10.350				x						
341	Kệ thép hộp đựng thuốc	Khoa Dược	1	15.840		15.840	3.960		x						
342	Kệ thép hộp đựng thuốc	Khoa Dược	1	15.840		15.840	3.960		x						
343	Kệ thép hộp đựng thuốc	Khoa Dược	1	15.840		15.840	3.960		x						
344	Khung quay tập khớp vai	Khoa Nội	1	114.900	114.900		43.088		x						
345	Khung quay tập khớp vai	Phòng Khám	1	114.900	114.900		43.088		x						
346	Khung quay tập khớp vai	Phòng Khám	1	114.900	114.900		43.088		x						
347	Khung thép sơ đồ bệnh viện	Phòng Hành Chính	1	18.065	18.065				x						
348	Kệ thép hộp đựng thuốc	Khoa Dược	1	15.840		15.840	3.960		x						
349	Hệ thống camera - Khu nhà E	Công nghệ thông tin	1	98.684	98.684				x						
350	Hệ thống camera - Khoa dược	Công nghệ thông tin	1	96.850	96.850				x						
351	Hành lang mái che	Chung	1	1.120.868		1.120.868	561.345		x						
352	Bơm nước Pentax CH 210 1,5kw	Thợ điện	1	11.500		11.500	8.625		x						
353	Bơm chìm cắt rác Tsurumi	Khoa KSNK	1	14.760		14.760	11.070		x						
354	Bơm chìm cắt rác Tsurumi	Khoa KSNK	1	14.760		14.760	11.070		x						
355	Bộ loa đài Hội trường	Công nghệ thông tin	1	93.250	93.250				x						
356	Bộ khuếch đại âm thanh phòng hội trường	Công nghệ thông tin	1	16.872		16.872	6.749		x						
357	Bộ ghế salon lãnh đạo	Phòng Giám đốc	1	29.480		29.480			x						
358	Bộ ghế salon lãnh đạo	Phòng Phó Giám đốc 1	1	29.480		29.480			x						
359	Bộ bàn ghế tiếp khách	Phòng Phó Giám đốc 2	1	21.600		21.600	13.500		x						
360	Bộ bàn ghế khám tai mũi họng	Phòng Khám	1	135.000	135.000				x						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
361	Bộ bàn ghế khám răng hàm mặt	Phòng Khám	1	389.000	389.000				x						
362	Biển tên bệnh viện (KT: 10,74x0,84m)	Chung	1	24.600		24.600	22.140		x						
363	Biển tên bệnh viện	Chung	1	43.549		43.549	39.194		x						
364	Biển nội quy + sơ đồ bệnh viện	Phòng Hành Chính	1	14.850		14.850	10.395		x						
365	Biển hợp kim nhôm (ký hiệu BV)	Phòng Hành Chính	1	45.430		45.430	18.172		x						
366	Biển chữ Inox	Phòng Hành Chính	1	25.410	25.410				x						
367	Biển cảnh báo gần đến Bệnh viện	Phòng Hành Chính	1	24.576		24.576	12.288		x						
368	Bể nước + kè chắn	Chung	1	1.122.401		1.122.401	729.561		x						
369	Amyly TOA A2240	Công nghệ thông tin	1	16.500	16.500				x						
370	Bàn hợp gỗ phun sơn cao cấp	Phòng Giao ban	1	48.000	48.000				x						
371	Bàn inox 1,1m	Khoa Xét Nghiệm	1	14.850		14.850	5.569		x						
372	Bàn inox 1,1m	Khoa Xét Nghiệm	1	14.850		14.850	5.569		x						
373	Bàn inox 1,1m	Khoa Xét Nghiệm	1	14.850		14.850	5.569		x						
374	Bàn inox 1,1m	Phòng Khám	1	14.850		14.850	5.569		x						
375	Bom nước Pentax CM 40-250B 11kw	Thợ điện	1	28.000		28.000	21.000		x						
376	Bàn Inox 304 (KT:755x800x2000)	Khoa CDHA	1	12.045		12.045	4.818		x						
377	Bảng Led điện tử	Công nghệ thông tin	1	94.500	94.500		18.900		x						
378	Bảng quảng cáo khu điều trị ô xy cao áp	Chung	1	18.047		18.047	10.828		x						
379	Bảng tên Bệnh viện chữ nổi trên nền đá	Phòng Hành Chính	1	44.180		44.180	30.926		x						
380	Bảng tên Bệnh viện Pano	Phòng Hành Chính	1	246.629		246.629	123.315		x						
381	Bảng tên TT ô xy cao áp	Khoa PHCN	1	27.400		27.400	10.960		x						
382	Bể nước	Chung	1	595.410	595.410		267.935		x						
383	Bàn mổ đa năng	Khoa Ngoại	1	99.000	99.000				x						
384	Bồn rửa tay phẫu thuật 2 vòi nước	Khoa Ngoại	1	59.400	59.400				x						
385	Buồng ô xy cao áp & phụ kiện	Khoa PHCN	1	3.480.886	3.480.886				x						
386	Càng cứu thương YDC-3B	Khoa HSTC	1	15.750	15.750		11.813		x						
387	Ghế tập luyện cơ tứ đầu đùi XYGS-2	Phòng Khám	1	16.000	16.000				x						
388	Giàn tập phục hồi chức năng	Phòng Khám	1	79.900	79.900		29.963		x						
389	Giàn tập phục hồi chức năng	Phòng Khám	1	79.900	79.900		29.963		x						
390	Giường đa năng	Khoa HSTC	1	26.000	26.000				x						
391	Giường đa năng	Khoa HSTC	1	26.000	26.000				x						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngین đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
392	Giường đa năng	Khoa PHCN	1	26.000	26.000				x					
393	Điều hòa Mitsubishi 9000 BTU	Khoa Nội	1	15.444		15.444	11.583		x					
394	Giường y tế đa năng	Khoa PHCN	1	24.750	24.750				x					
395	Giường y tế đa năng	Khoa HSTC	1	24.750	24.750				x					
396	Giường y tế đa năng	Khoa HSTC	1	24.750	24.750				x					
397	Giường y tế đa năng	Khoa HSTC	1	24.750	24.750				x					
398	Giường y tế đa năng	Khoa HSTC	1	24.750	24.750				x					
399	Giường y tế đa năng	Khoa HSTC	1	24.750	24.750				x					
400	Giường y tế đa năng	Khoa PHCN	1	24.750	24.750				x					
401	Giường y tế đa năng	Khoa PHCN	1	24.750	24.750				x					
402	Máy châm cứu đa năng	Khoa HSTC	1	110.000	110.000				x					
403	Điều hòa Daikin 18000 BTU	Công nghệ thông tin	1	22.680		22.680	17.010		x					
404	Dao mổ điện	Khoa Ngoại	1	298.200		298.200	82.005		x					
405	Cáng Y tế	Phòng Khám	1	58.300	58.300				x					
406	Cây hoa giấy 2 màu cao 2,9m	Chung	1	15.500		15.500	11.625		x					
407	Cây hoa giấy 2 màu cao 4m	Chung	1	48.000		48.000	36.000		x					
408	Cây lộc vừng	Chung	1	19.500	19.500				x					
409	Cây lộc vừng	Chung	1	55.000	55.000				x					
410	Cây OSAKA	Chung	1	13.000	13.000				x					
411	Đèn mổ LED	Khoa Ngoại	1	97.500	97.500				x					
412	Cây OSAKA	Chung	1	13.000	13.000				x					
413	Cây OSAKA	Chung	1	13.000	13.000				x					
414	Cây xanh Thế đáng Trục - Xiêu 1,3m	Chung	1	27.000		27.000	20.250		x					
415	Cửa kính thủy lực Khoa KB	Phòng Hành Chính	1	49.940		49.940	19.976		x					
416	Cửa mái tôn	Phòng Hành Chính	1	42.899	42.899				x					
417	Cửa xích 18	Thợ điện	1	11.000		11.000	9.625		x					
418	Cửa xích 20	Thợ điện	1	14.000		14.000	12.250		x					
419	Cây OSAKA	Chung	1	13.000	13.000				x					
420	Xe tập chỉ dưới XY-1	Phòng Khám	1	13.000	13.000				x					
421	Máy châm cứu đa năng	Khoa Ngoại	1	110.000	110.000				x					
422	Máy châm cứu đa năng	Khoa Nội	1	110.000	110.000				x					
423	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Nội	1	16.675	16.675				x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
424	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Phòng Khám	1	16.675	16.675				X						
425	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa PHCN	1	16.675	16.675				X						
426	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Nội	1	16.675	16.675				X						
427	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Lão Khoa	1	16.675	16.675				X						
428	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa CDHA	1	16.675	16.675				X						
429	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa PHCN	1	16.675	16.675				X						
430	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Nội	1	16.675	16.675				X						
431	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Phòng Hành Chính	1	15.460		15.460			X						
432	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Nội	1	16.675	16.675				X						
433	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Dược	1	16.675	16.675				X						
434	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Xét Nghiệm	1	15.460		15.460			X						
435	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Nội	1	16.675	16.675				X						
436	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa PHCN	1	16.675	16.675				X						
437	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Châm cứu	1	16.675	16.675				X						
438	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Châm cứu	1	16.675	16.675				X						
439	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa CDHA	1	16.675	16.675				X						
440	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa Châm cứu	1	17.180	17.180				X						
441	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa Nội	1	17.180	17.180				X						
442	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa PHCN	1	17.180	17.180				X						
443	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa Lão Khoa	1	17.180	17.180				X						
444	Máy điều hòa 12.000BTU	Công nghệ thông tin	1	16.849	16.849				X						
445	Máy điều hòa 18.000BTU	Khoa Châm cứu	1	14.350	14.350				X						
446	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Lão Khoa	1	16.675	16.675				X						
447	Máy điều hòa 18.000BTU	Phòng Giám đốc	1	14.400	14.400				X						
448	Máy điều hòa 18.000BTU	Khoa Dược	1	14.350	14.350				X						
449	Máy điều hòa 24.000BTU	Phòng Hội Trường	1	22.550	22.550				X						
450	Máy điều hòa 24.000BTU	Phòng Hội Trường	1	22.550	22.550				X						
451	Máy điều hòa 24.000BTU	Phòng Hội Trường	1	22.550	22.550				X						
452	Máy điều hòa 24.000BTU	Phòng Hội Trường	1	22.550	22.550				X						
453	Máy điều hòa 24.000BTU	Phòng Hội Trường	1	22.550	22.550				X						
454	Máy điều hòa 18.000BTU	Phòng KHTH	1	14.300	14.300				X						
455	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa Lão Khoa	1	13.538		13.538	5.077		X						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức năng có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguyên sách	Nguyên khác								
456	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Phòng Khám	1	16.675	16.675				x					
457	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Lão Khoa	1	16.675	16.675				x					
458	Máy điều hòa Daikin 9.000 BTU	Phòng Khám	1	11.772		11.772	10.301		x					
459	Máy điều hòa Daikin 9.000 BTU	Phòng Kế toán	1	11.772		11.772	10.301		x					
460	Máy điều hòa Daikin 9.000 BTU	Phòng Hành Chính	1	12.654		12.654			x					
461	Máy điều hòa Daikin 9.000 BTU	Khoa Xét Nghiệm	1	12.654		12.654			x					
462	Máy điều hòa Daikin 18.000 BTU	Công nghệ thông tin	1	24.400	24.400				x					
463	Máy điều hòa Daikin 18.000 BTU	Khoa Dược	1	24.400	24.400				x					
464	Máy điều hòa Daikin 18.000 BTU	Khoa PHCN	1	24.400	24.400				x					
465	Máy điều hòa Daikin 18.000 BTU	Khoa Xét Nghiệm	1	24.400	24.400				x					
466	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Châm cứu	1	16.675	16.675				x					
467	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Lão Khoa	1	16.675	16.675				x					
468	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Châm cứu	1	16.675	16.675				x					
469	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Nội	1	16.675	16.675				x					
470	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa CDHA	1	16.675	16.675				x					
471	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Phòng Khám	1	16.675	16.675				x					
472	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Nội	1	16.675	16.675				x					
473	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Phòng Kế toán	1	15.460		15.460			x					
474	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Châm cứu	1	16.675	16.675				x					
475	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Nội	1	16.675	16.675				x					
476	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Lão Khoa	1	16.675	16.675				x					
477	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Châm cứu	1	16.675	16.675				x					
478	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa PHCN	1	16.675	16.675				x					
479	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Nội	1	16.675	16.675				x					
480	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Châm cứu	1	16.675	16.675				x					
481	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Phòng Khám	1	16.675	16.675				x					
482	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Châm cứu	1	16.675	16.675				x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
483	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Dược	1	16.675	16.675				x					
484	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Châm cứu	1	16.675	16.675				x					
485	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Phòng Kế toán	1	15.460		15.460			x					
486	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Châm cứu	1	16.675	16.675				x					
487	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa Nội	1	16.675	16.675				x					
488	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Khoa PHCN	1	16.675	16.675				x					
489	Máy điều hòa Daikin 12.000 BTU	Phòng Khám	1	16.675	16.675				x					
490	Máy điều hòa 12.000BTU	Phòng Hành Chính	1	13.323		13.323	4.996		x					
491	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa Châm cứu	1	17.180	17.180				x					
492	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa Nội	1	12.375	12.375				x					
493	Máy điện xung kết hợp điện phân	Khoa Nội B	1	138.100	138.100		37.978		x					
494	Máy điện xung kết hợp điện phân	Khoa Lão Khoa	1	138.100	138.100		37.978		x					
495	Máy điện xung kết hợp điện phân	Khoa Nội B	1	387.850	387.850		145.444		x					
496	Máy điện xung kết hợp điện phân	Khoa Nội	1	387.850	387.850		145.444		x					
497	Máy điện xung kết hợp điện phân	Khoa HSTC	1	138.100	138.100		37.978		x					
498	Máy điện xung kết hợp điện phân	Khoa PHCN	1	387.850	387.850		145.444		x					
499	Máy điện xung kết hợp điện phân	Khoa Châm cứu	1	387.850	387.850		145.444		x					
500	Máy điện xung kết hợp điện phân	Khoa Ngoại	1	138.100	138.100		37.978		x					
501	Máy điện xung kết hợp điện phân	Khoa PHCN	1	138.100	138.100		37.978		x					
502	Máy điện xung kết hợp điện phân	Khoa Nội	1	138.100	138.100		37.978		x					
503	Máy điện xung kết hợp điện phân	Khoa Ngoại	1	387.850	387.850		145.444		x					
504	Máy điện rung	Khoa PHCN	1	16.500	16.500				x					
505	Máy điện rung	Khoa PHCN	1	37.900	37.900		14.213		x					
506	Máy điện rung	Khoa Nội	1	37.900	37.900		14.213		x					
507	Máy điện rung	Khoa Nội B	1	37.900	37.900		14.213		x					
508	Máy điện rung	Khoa PHCN	1	37.900	37.900		14.213		x					
509	Máy điện rung	Khoa PHCN	1	37.900	37.900		14.213		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
510	Máy châm cứu đa năng 6 kênh	Khoa Châm cứu	1	51.500	51.500				x					
511	Máy châm cứu đa năng 6 kênh	Khoa PHCN	1	51.500	51.500				x					
512	Máy châm cứu đa năng 6 kênh	Khoa Nội	1	51.500	51.500				x					
513	Máy châm cứu đa năng 6 kênh	Khoa Nội	1	51.500	51.500				x					
514	Máy châm cứu đa năng 6 kênh	Khoa PHCN	1	51.500	51.500				x					
515	Máy châm cứu điện	Khoa Châm cứu	1	14.200	14.200				x					
516	Máy điện xung kết hợp điện phân	Khoa Lão Khoa	1	387.850	387.850		145.444		x					
517	Máy chiếu hội trường	Công nghệ thông tin	1	93.960	93.960				x					
518	Máy chiếu phòng giao ban	Công nghệ thông tin	1	43.155	43.155				x					
519	Máy chủ cơ sở dữ liệu HP DL 380 G10	Công nghệ thông tin	1	530.015	32.655	497.360			x					
520	Máy chủ HP Proliant DL-380 GEN9	Công nghệ thông tin	1	78.513	78.513				x					
521	Máy chụp hình KTS ILCE-6400	Phòng QLCL	1	35.020		35.020	21.012		x					
522	Máy điện cơ tim	Khoa Châm cứu	1	857.250	857.250		235.744		x					
523	Máy điện phân	Khoa Nội B	1	49.800	49.800				x					
524	Máy chiếu Panasonic	Công nghệ thông tin	1	22.580		22.580	9.032		x					
525	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa Nội	1	17.180	17.180				x					
526	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa Nội	1	17.180	17.180				x					
527	Máy điều hòa 12.000BTU	Phòng Khám	1	17.180	17.180				x					
528	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa Lão Khoa	1	12.375	12.375				x					
529	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa Nội	1	17.180	17.180				x					
530	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa Lão Khoa	1	12.375	12.375				x					
531	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa Châm cứu	1	12.375	12.375				x					
532	Máy điều hòa 12.000BTU	Phòng Giao ban	1	20.470	20.470				x					
533	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa Nội	1	17.180	17.180				x					
534	Máy điều hòa 12.000BTU	Phòng Phó Giám đốc 1	1	10.890	10.890				x					
535	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa Châm cứu	1	12.375	12.375				x					
536	Máy điều hòa 12.000BTU	Phòng Phó Giám đốc 2	1	16.849	16.849				x					
537	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa Nội	1	17.180	17.180				x					
538	Máy điều hòa 12.000BTU	Phòng Giám đốc	1	10.430	10.430				x					
539	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa PHCN	1	12.375	12.375				x					
540	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa Nội	1	13.490		13.490	5.059		x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
541	Máy điều hòa 12.000BTU	Phòng Hành Chính	1	16.849	16.849				X					
542	Máy điều hòa 12.000BTU	Phòng Phó Giám đốc 1	1	10.430	10.430				X					
543	Máy châm cứu đa năng	Khoa PHCN	1	110.000	110.000				X					
544	Máy điều hòa 12.000BTU	Phòng Phó Giám đốc 2	1	10.890	10.890				X					
545	Máy điều hòa 12.000BTU	Phòng Giao ban	1	20.470	20.470				X					
546	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa Lão Khoa	1	17.180	17.180				X					
547	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa PHCN	1	13.538		13.538	5.077		X					
548	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa CDHA	1	17.180	17.180				X					
549	Máy điều hòa 12.000BTU	Trực điều trị	1	17.180	17.180				X					
550	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa CDHA	1	17.180	17.180				X					
551	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa Châm cứu	1	17.180	17.180				X					
552	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa PHCN	1	17.180	17.180				X					
553	Máy điều hòa 12.000BTU	Phòng KHTH	1	16.849	16.849				X					
554	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa PHCN	1	17.180	17.180				X					
555	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa PHCN	1	12.375	12.375				X					
556	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa PHCN	1	17.180	17.180				X					
557	Máy điều hòa 12.000BTU	Phòng Kế toán	1	10.890	10.890				X					
558	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa Nội	1	12.375	12.375				X					
559	Máy điều hòa 12.000BTU	Khoa PHCN	1	17.180	17.180				X					
560	Máy điều hòa 12.000BTU	Phòng Khám	1	17.180	17.180				X					
561	Xe tập chi dưới XY-1	Phòng Khám	1	13.000	13.000				X					
Tổng cộng				562	72.304.642	65.109.525	7.195.117	10.847.250						

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Bùi Thị Hằng

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Vinh

Ngày 14 tháng 04 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Vũ Thị Mai

Bộ, tỉnh: Tỉnh Quảng Ninh
Cơ quan quản lý cấp trên:
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Bệnh viện Y dược cổ truyền Quảng Ninh
Mã đơn vị: 1078628
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2024

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà															
III	Xe ô tô	501.418														
I	14C - 6679	501.418					x				Bán	34.100	34.100			
IV	Tài sản cố định khác															

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Bùi Thị Hằng

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

V.Đ

Ngày 14, tháng 04, năm 2025.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)



Vũ Thị Mai

Nguyễn Thị Vinh